

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/DSST  
Ngày: 10-12-2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Công Hạnh và bà Võ Thị Hồng Trà

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* ông Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 05/02/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 120/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần ....; Địa chỉ: 109 T, phường ..., quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Tấn V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP .... – chi nhánh Phú Yên.

Ông Vinh ủy quyền lại cho ông Trần Bùi Quốc H, chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng của Ngân hàng TMCP .... – chi nhánh Phú Yên làm đại diện. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Đinh Hòa T, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu phố .., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần .....

ông H trình bày: Ngày 05/4/2017, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần .... – chi nhánh Khánh Hòa (gọi tắt: Ngân hàng) và ông Đinh Hòa T có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 61017/0394/CCVC, theo đó Ngân hàng cho ông T vay tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng, phương thức vay: từng lần, hình thức vay: vay không có tài sản bảo đảm (tín chấp), mục đích vay: tiêu dùng – sửa chữa nhà, thời hạn cho vay 60 tháng (kể từ ngày 05/4/2017 đến ngày 05/4/2022), số tiền nợ gốc phải trả vào ngày 10 hàng tháng là 3.340.000 đồng. Đến ngày 10/9/2018 ông T không trả gốc và lãi cho Ngân hàng như cam kết. Nhiều lần Ngân hàng đã liên hệ và nhắc nhở nhưng ông T vẫn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 10/9/2018 cho đến ngày 10/12/2021 ông T còn nợ tổng cộng số tiền 231.145.414 đồng trong đó nợ gốc 146.559.588 đồng, lãi trong hạn 33.038.700 đồng, phạt gốc quá hạn 41.649.033 đồng, phạt lãi quá hạn 9.898.093 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T phải trả dứt điểm số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Hòa T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/12/2021 là 231.145.414 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 61017/0394/CCVC ngày 05/4/2017 đã ký kết. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản xác minh đề ngày 08/10/2021, Công an phường 2, thành phố T đã cung cấp có nội dung: “*ông Đinh Hòa T có hộ khẩu thường trú tại khu phố .., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay ông T không có mặt tại địa phương, ông T đi đâu, làm gì địa phương không rõ*”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc ông T bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Hòa T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ngày 05/4/2017, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần .... – chi nhánh K (gọi tắt: Ngân hàng) và ông Đinh Hòa T có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 61017/0394/CCVC, theo đó Ngân hàng cho ông T vay tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng, phương thức vay: từng lần, hình thức vay: vay không có tài sản bảo đảm (tín chấp), mục đích vay: tiêu dùng – sửa chữa nhà, thời hạn cho vay 60 tháng (kể từ ngày 05/4/2017 đến ngày 05/4/2022), số tiền nợ gốc phải trả vào ngày 10 hàng tháng là 3.340.000 đồng. Sau khi vay, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tính từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/12/2021) ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền 231.145.414 đồng trong đó nợ gốc 146.559.588 đồng, lãi trong hạn 33.038.700 đồng, phạt gốc quá hạn 41.649.033 đồng, phạt lãi quá hạn 9.898.093 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 231.145.414 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 61017/0394/CCVC ngày 05/4/2017 mà các bên đã ký kết.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần .....

Buộc bị đơn ông Đinh Hòa T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần .... số tiền 231.145.414 đồng (*hai trăm ba mươi một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm mười bốn đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/12/2021), ông Đinh Hòa T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Đinh Hòa T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn ông Đinh Hòa T phải chịu 11.557.270 đồng (*mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần .... số tiền tạm ứng án phí 4.300.000 đồng (*bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số AA/2019/0001157 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Tân Sang**